

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 384/2017/DS-ST

Ngày : 14/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Huỳnh Tiến Dũng;
2- Bà Nguyễn Thị Lượm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức không tham gia phiên tòa:

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2017/TLST-DS ngày 22/3/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: bà Triệu Thanh T – sinh năm: 1970

Địa chỉ: đường 2, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Bị đơn: bà Vũ Thị Minh T1 - sinh năm: 1958

Địa chỉ: khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa xác định: vào tháng 10/2013 bà Triệu Thanh T có cho bà Vũ Thị Minh T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, hạn chót thanh toán vào tháng 10/2015, việc vay mượn bà Vũ Thị Minh T1 có thể chấp cho bà Triệu Thanh T 01 phòng trọ (phòng trọ số 3) tại địa chỉ số 60 đường 2, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng tháng bà Minh T1 thu tiền cho thuê phòng trọ số 3 giao cho bà Thanh T. Đến ngày 10/11/2014 bà Minh T1 tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng vay 02 năm, hạn cuối trả là ngày 10/11/2016, để đảm bảo cho khoản tiền vay này bà Minh T1 thế chấp cho bà Thanh T phòng trọ tại khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố

Hồ Chí Minh. Sau đó khi đến hạn thanh toán tiền gốc của số tiền vay tháng 10/2013 bà Minh T1 không trả nợ gốc vì vậy bà Thanh T khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Ngày 19/02/2016 hai bên hoà giải tại UBND phường Hiệp Bình Phước thống nhất bà Minh T1 sẽ trả hết hai khoản nợ này cho bà Thanh T hạn cuối vào ngày 19/5/2016. Sau đó bà Minh T1 đã trả xong cho bà Thanh T số tiền 100.000.000 đồng của khoản vay tháng 10/2013, thì không trả nữa và cũng không đưa tiền phòng trọ cho bà Thanh T. Vì vậy bà Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Minh T1 trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 10/11/2014 và không yêu cầu tính tiền lãi suất và cũng không yêu cầu tính tiền cho thuê phòng trọ từ ngày 19/5/2016 cho đến nay.

Bà Vũ Thị Minh T1: không có lời khai tại Tòa án nhưng ngày 28/6/2017 sau khi nhận văn bản tổng đạt bà Minh T1 có ý kiến tại thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 26/6/2017: đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh hiện tại bà đang bị tai nạn không đi được, mong Tòa án xem xét cho bà khi nào bà bán được nhà sẽ trả lại số tiền này cho bà Thanh T, hoặc cho bà trả góp mỗi quý.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Vũ Thị Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Triệu Thanh T và bị đơn bà Vũ Thị Minh T1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn bà Vũ Thị Minh T1 thực tế đang cư trú tại số 60 đường 2, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: về việc yêu cầu bà Vũ Thị Minh T1 trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng vay thể hiện bằng hợp đồng thế chấp nhà ngày 10/11/2014 (có bản chính), nội dung hợp đồng thể hiện bà Minh T1 vay của bà Thanh T số tiền 100.000.000 đồng và thế chấp 01 căn phòng trọ số 01 cho bà Thanh T, bà Thanh T được thu tiền thuê phòng trọ của phòng số 01 tại số 60 đường 2, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, từ khi vay đến nay số tiền này bà Minh T1 vẫn chưa trả cho bà Thanh T. Bà Minh T1 cũng thừa nhận còn nợ bà Thanh T số tiền này nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa trả được cho bà Thanh T. Tại biên bản hoà giải ngày 19/02/2016 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức lập bà Vũ Thị Minh T1 thừa nhận có nợ bà Thanh T số tiền gốc 100.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà Vũ Thị Minh T1 còn nợ bà Thanh T số tiền này.

[3] Về tiền lãi suất: Bà Minh T1 trả tiền lãi suất cho bà Thanh T bằng hình thức thu tiền phòng trọ số 01 và giao cho bà Thanh T hàng tháng nhưng từ ngày 19/5/2016 cho đến nay bà Minh T1 không giao tiền phòng trọ thu được để trả tiền lãi

suất hàng tháng cho bà Thanh T, tuy nhiên quá trình khởi kiện cũng như tại phiên toà bà Thanh T không yêu cầu bà Minh T1 trả tiền lãi suất do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Minh T1 khởi kiện ngày 02/3/2017 là đã hết thời hạn trả nợ theo thoả thuận giữa hai bên, hạn cuối trả nợ 10/11/2016.

Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Thanh T. Việc bà Minh T1 yêu cầu trả số tiền này hàng quý hoặc trả khi bán được nhà là thiệt hại cho bà Thanh T và bà Thanh T cũng không chấp nhận do đó không chấp nhận yêu cầu này của bà Minh T1.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Vũ Thị Minh T1 phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 5.000.000 đồng.

+ Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 388, Điều 401, Điều 424, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Vũ Thị Minh T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Triệu Thanh T số tiền nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ghi nhận việc bà Triệu Thanh T không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Triệu Thanh T nếu bà Vũ Thị Minh T1 chưa trả số tiền trên, thì bà Vũ Thị Minh T1 phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Vũ Thị Minh T1 phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Trả cho bà Triệu Thanh T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 15036 ngày 22/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự của vụ án;
- VKSND Q.TĐ;
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo